

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NA RÌ  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HS-ST  
Ngày: 01-4-2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ - TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Thanh Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đàm Văn Nhạ và bà Lê Thị Khuyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tạ Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2024/TLST-HS, ngày 02 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/HSST-QĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

**Hoàng Thị T**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 10 tháng 10 năm 1973 tại xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Q, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ (học vấn): 06/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn B và bà Hoàng Thị L; bị cáo có chồng là Ngô Văn T1 và 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt);

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đỗ Thị X - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (có mặt);

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn;

Địa chỉ: Tổ N, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc C; chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt);

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Hoàng Thị Thu N; chức vụ: Trưởng phòng - Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện N, tỉnh Bắc Kạn (có mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Ngô Văn T1; sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt).

+ Ông Hà Văn C1; sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng: + Anh Hoàng Văn T2 (tên gọi khác: Hoàng Văn K); sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt).  
+ Anh Hoàng Văn T3; sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các ngày 17 tháng 8 và ngày 11 tháng 9 năm 2023, Trạm kiểm lâm Quang Phong thuộc Hạt kiểm lâm huyện N phối hợp với chính quyền địa phương xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn tiến hành kiểm tra khu vực rừng K thuộc thôn T, xã Q thì phát hiện tại lô 15b, khoảnh 5, tiểu khu B thuộc thửa đất số 131 và lô 23Vc, khoảnh 5, tiểu khu B bị phát phá trái phép. Qua xác minh của cơ quan chức năng thì người phát phá diện tích rừng nói trên là Hoàng Thị T. Trạm kiểm lâm và chính quyền địa phương đã tiến hành đo đạc, thống kê ban đầu để xác định diện tích rừng bị phát phá và lâm sản bị thiệt hại để báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 03/10/2023 thể hiện: Hiện trường vụ hủy hoại rừng xảy ra tại thửa đất số 131, lô 15b, khoảnh 5, tiểu khu B và thửa đất số 39, lô 23Vc, khoảnh 5, tiểu khu B khu R thuộc thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Phía Đ và phía Bắc tiếp giáp với thửa đất số 24 của cộng đồng thôn T, xã Q; phía Tây tiếp giáp với thửa đất số 130 của ông Nguyễn Văn L1, Phía Nam tiếp giáp với thửa đất số 39 của ông Hà Văn C1. Hiện trường cụ thể: Hiện trường vụ hủy hoại rừng xảy ra tại thửa đất số 131, lô 15b, khoảnh 5, tiểu khu B và thửa đất số 39, lô 23Vc khoảnh 5, tiểu khu B theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã Q năm 2018, trạng thái ngoài thực địa vị trí phát phá của hai lô rừng là rừng tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (TXK) chức năng rừng sản xuất. Tại hiện trường phát hiện các cây gỗ tự nhiên loài thông thường đã bị chặt hạ, vết cắt cũ bằng máy cưa xăng và dao, một số cây đang trong tình trạng khô héo. Tổ công tác sử dụng máy định vị GPSMAP 78 của Hạt kiểm lâm huyện N tiến hành đo tọa độ khép kín xác định tổng diện tích rừng bị phát phá là 9.159m<sup>2</sup>. Trong đó diện tích rừng bị phát phá tại thửa đất số 131, lô 15b, khoảnh 5, tiểu khu B là 5.417m<sup>2</sup>; tại thửa đất số 39, lô B, khoảnh 5, tiểu khu B là 3.742m<sup>2</sup>. Lâm sản bị thiệt hại 229 gốc cây gỗ tự nhiên loài thông thường (do các gốc cây cắt sát mặt đất nên không đo khối lượng phần gốc cây); 278 khúc gỗ tròn tự nhiên loài thông thường có khối lượng 13,224m<sup>3</sup>; 38 cây gỗ tự nhiên loài thông thường chưa bị chặt hạ nhưng cây bị đốt cháy nham nhở đang trong tình trạng chết, khô héo không có khả năng sinh trưởng và phát triển có khối lượng là 11,682m<sup>3</sup>.

Tại kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐGTS ngày 19/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N kết luận: 278 khúc gỗ tròn tự nhiên loài thông thường có tổng khối lượng 13,224m<sup>3</sup> có trị giá 1.322.400,đ; 38 cây gỗ tự nhiên loài thông thường có khối lượng là 11,682m<sup>3</sup> có trị giá 1.168.200,đ.

Quá trình điều tra xác định: Diện tích rừng do bị cáo Hoàng Thị T phát phá 5.417m<sup>2</sup> tại lô 15b, khoảnh 5, tiểu khu B thuộc thửa đất số 131 được Nhà nước giao cho hộ gia đình ông Ngô Văn T1 và Hoàng Thị T tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 224991 ngày 01/7/2009. Hiện nay thửa đất này đã được cấp đổi thành thửa đất số 196, tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 116787 cấp cho hộ gia đình ông Ngô Văn T1 và Hoàng Thị T theo dự án CSSP năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn. Đối với diện tích rừng do T phát phá 3.742m<sup>2</sup> tại lô 23Vc khoảnh 5, tiểu khu B thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 02, được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 841650 mang tên ông Hà Văn C1. Quá trình điều tra làm rõ được toàn bộ diện tích rừng bị cáo T phát phá đều thuộc thửa đất 131 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ) của gia đình bị cáo T, quá trình đo đạc, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đo đạc không chính xác nên cấp nhầm một phần diện tích đất thuộc thửa 131 của gia đình bị cáo T vào Giấy chứng nhận nhận đất của gia đình ông C1. Trên thực tế, phần diện tích đất này vẫn do gia đình bị cáo T trực tiếp quản lý, sử dụng, giữa gia đình bị cáo T và gia đình ông C1 cũng không có tranh chấp gì đối với phần diện tích đất này (hiện nay hai gia đình đang làm thủ tục để xin chỉnh sửa cấp lại phần diện tích này cho hộ gia đình bị cáo T theo quy định).

Trong quá trình làm việc với Hạt kiểm lâm và tại Cơ quan điều tra Hoàng Thị T khai nhận: Khoảng tháng 6/2023 không nhớ ngày cụ thể bị cáo T một mình đi phát phá rừng tại thửa đất số 131, lô 15b, khoảnh 5, tiểu khu B (nay là thửa số 196, tờ bản đồ số 02) và một phần diện tích đất của gia đình bị cáo nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hà Văn C1 thửa đất số 39, lô 23Vc, khoảnh 5, tiểu khu B (nay là thửa đất số 39, tờ bản đồ số 02) tại khu vực Khuổi Thiển thuộc thôn T, xã Q, huyện N. Mục đích để trồng cây gỗ Mỡ phát triển kinh tế gia đình. Quá trình phát phá T sử dụng một con dao dạng lưỡi liềm để phát phá các cây gỗ nhỏ, cây vầu, cây dây leo bụi rậm, phát được khoảng 04 ngày thấy có các cây gỗ to dao không chặt được nên bị cáo T thuê Hoàng Văn T2 và Hoàng Văn T3 (là con anh trai ruột của T), cùng trú tại thôn T, xã Q, huyện N để phát và cắt những cây gỗ to. Trước khi thuê, T bảo với T2 và T3 về thủ tục đã được cơ quan Nhà nước cho phép phát rừng, đồng thời thỏa thuận giá tiền công cho Hoàng Văn T2 là 350.000đ/1 ngày (do T2 là người trực tiếp sử dụng máy cưa xăng của Tươi để cắt những cây gỗ to) và T3 là 250.000đ/1 ngày (T3 sử dụng dao cùng T phát phá các cây gỗ nhỏ, cây vầu, dây leo bụi rậm), T2 và T3 đồng ý. Sau đó T2, T3 phát rừng cho bị cáo T trong 02 ngày, còn T tiếp

tục phát phá rừng liên tục trong khoảng thời gian 10 ngày thì dừng việc phát phá vì đã đủ diện tích để trồng cây Mỡ theo dự định ban đầu. Trước khi phát phá diện tích 9.159m<sup>2</sup> Tươi không xin phép cơ quan chức năng có thẩm quyền cho phép. Sau khi bị phát hiện vụ việc, ngày 11/9/2023 và ngày 11/10/2023 Hoàng Thị T và Hoàng Văn T3 đã giao nộp 01 máy cưa xăng, 02 con dao là công cụ để phát phá rừng cho Hạt kiểm lâm huyện N.

Về vật chứng của vụ án:

+ 01 máy cưa xăng màu đỏ, không rõ nhãn hiệu, có gắn lam và xích, máy cưa dài 81,5cm, lam dài 53cm, phần ốp nhựa của máy cưa có chữ BDK special. Máy cũ đã qua sử dụng.

+ 01 con dao dạng dao lưỡi liềm dài 46,8cm, phần cán bằng gỗ dài 23cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 23,8cm. Dao cũ đã qua sử dụng.

+ 01 con dao dạng dao lưỡi liềm dài 47cm, phần cán bằng gỗ dài 23,5 cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 23,5cm. Dao cũ đã qua sử dụng.

Các vật chứng nêu trên hiện đang được niêm phong trong bao tải dứa màu đỏ và bảo quản tại kho vật chứng Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đối với số vật chứng là gỗ gồm: 278 khúc gỗ tròn tự nhiên loài thông thường có tổng khối lượng 13,224 m<sup>3</sup>, 38 cây gỗ rừng tự nhiên loài thông thường, đã bị chết, chưa bị cắt hạ có khối lượng 11,682 m<sup>3</sup> và 229 gốc cây gỗ rừng tự nhiên loài thông thường đang để tại trường không thể đưa về Cơ quan điều tra để bảo quản, quản lý. Sau khi kết thúc quá trình khám nghiệm hiện trường ngày 03/10/2023, Hạt kiểm lâm huyện N đã bàn giao số vật chứng này cho Trạm kiểm lâm Quang Phong phối hợp với UBND xã Q trông coi, bảo quản, quản lý theo quy định.

- Về trách nhiệm dân sự: Bà Hoàng Thị Thu N, Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện N, được Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện N ủy quyền tham gia tố tụng với tư cách là đại diện nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại theo Kết luận định giá tài sản với tổng số tiền là 2.490.600 đồng. Hiện bị cáo nay đã nộp đủ số tiền bồi thường theo yêu cầu tại Chi cục Thi hành án dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 10/CT-VKS-NR ngày 01/02/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn, truy tố bị cáo Hoàng Thị T về: "Tội huỷ hoại rừng" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng mà Viện Kiểm sát đã truy tố.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền thiệt hại theo Kết luận định giá tài sản với tổng số tiền là 2.490.000đ.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn T1 trình bày: Việc vợ ông là bà Hoàng Thị T đi phát phá rừng tại thửa đất số 131, lô 15b, khoảng 5, tiểu khu B (nay là thửa đất số 196, tờ bản đồ số 02

tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 116787 cấp ngày 08/12/2022 cho gia đình ông và thửa đất số 39, lô 23Vc, khoảnh 5, tiểu khu B gia đình ông bà trực tiếp quản lý, sử dụng ông không biết và không được tham gia, đến khi cơ quan chức năng gọi đến làm việc ông mới biết. Ngoài ra, ông T1 không có thêm ý kiến gì.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn C1 trình bày: Đối với phần diện tích bà T phát phá tại thửa đất số 39, lô B, khoảnh 5, tiểu khu B nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông C1. Tuy nhiên, trên thực tế phần diện tích đất này do gia đình ông T1 quản lý, sử dụng, giữa ông C1 và gia đình ông T1 không xảy ra tranh chấp gì. Việc cấp nhầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông C1 là do dự án đo nhầm nên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông C1. Ngoài ra, ông C1 không có thêm ý kiến gì.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng Hoàng Văn T2 trình bày: Anh T2 được bị cáo thuê đi phát rừng tại khu V, thôn T, xã Q. Anh T2 không biết việc phát rừng là chưa được cho phép vì bị cáo nói với anh T2 là việc phát rừng đã được cơ quan chức năng cho phép. Số tiền công đi phát rừng anh T2 đã nhận đủ. Ngoài ra, anh không có thêm ý kiến gì.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng Hoàng Văn T3 trình bày: Anh T3 được bị cáo thuê đi phát rừng. Anh T3 không biết việc phát rừng chưa được cho phép vì bị cáo nói với T3 là đã được cho phép. Anh T3 đã nhận đủ tiền công, không có ý kiến gì. Đối với con dao lưỡi liềm của anh T3, anh T3 dùng để phát rừng anh T3 không yêu cầu được trả lại, đề nghị Toà án xử lý theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo cáo trạng về tội danh, điều luật áp dụng, xử lý vật chứng. Đối với việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đại diện Viện kiểm sát xin rút đề nghị áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51/BLHS chuyển sang áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51/BLHS. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T phạm "Tội huỷ hoại rừng". Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự ghi nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn dân sự UBND huyện N và bị cáo về việc bồi thường số tiền 2.490.600,đ. Về xử lý vật chứng: Tịch thu hoá giá, sung quỹ Nhà nước 01 máy cưa xăng màu đỏ; tịch thu, tiêu huỷ 02 con dao dạng lưỡi liềm; tạm giữ số tiền 2.490.600,đ bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì để bảo đảm thi hành án; tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước 278 khúc gỗ tròn tự nhiên loài thông thường có tổng khối lượng 13,224m<sup>3</sup> và 38 cây gỗ rừng tự nhiên loài thông thường đã chết, chưa bị cắt hạ có khối lượng 11,682m<sup>3</sup>; tịch thu, tiêu huỷ 229 gốc cây gỗ rừng tự nhiên loài thông thường. Miễn án phí hình sự cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, sự hiểu biết pháp luật còn nhiều hạn chế, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất ăn năn, hối hận về hành vi của mình. Bị cáo nhận thức pháp luật còn hạn chế, mục đích phát phá rừng là để trồng rừng phát triển kinh tế gia đình. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát xin rút đề nghị áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51/BLHS chuyển sang áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51/BLHS đối với bị cáo. HĐXX xét thấy, thành tích mà bị cáo được khen thưởng là các Giấy khen, Giấy công nhận của Chủ tịch UBND xã Q và Chủ tịch Hội phụ nữ xã Q do có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua yêu nước và có thành tích xuất sắc trong phát triển kinh tế gia đình. Các thành tích, cấp khen thưởng mà bị cáo được khen thưởng không thuộc trường hợp để được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51/BLHS "Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác". Do đó, việc đại diện Viện kiểm sát xin rút yêu cầu áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51/BLHS để áp dụng khoản 2 Điều 51/BLHS là phù hợp với thực tiễn xét xử, thực tiễn áp dụng pháp luật và phù hợp với tinh thần hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo cũng nhất trí với đề xuất thay đổi của đại diện Viện kiểm sát nên được HĐXX chấp nhận.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Văn T1, Hà Văn C1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng Hoàng Văn T2, Hoàng Văn T3 vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 292 và Điều 293 BLTTHS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, các tài liệu khác đã được cơ quan điều tra thu thập có trong hồ

sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 6 năm 2023, khi chưa được cơ quan chức năng có thẩm quyền cho phép, Hoàng Thị T đã có hành vi phát phá rừng trái phép tại thửa đất số 131, lô 15b, khoảnh 5, tiểu khu B (nay là thửa đất số 196, tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 116787 cấp ngày 08/12/2022 cho hộ gia đình Ngô Văn T1 và Hoàng Thị T) và thửa đất số 39, lô 23Vc, khoảnh 5, tiểu khu B (thửa đất số 39, tờ bản đồ số 02). Theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng ban hành theo Quyết định 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh B, bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã Q năm 2018 thì diện tích rừng bị phát phá trái phép thuộc rừng tự nhiên sản xuất. Tổng diện tích rừng bị hủy hoại là 9.159 mét vuông ( $m^2$ ). Tổng lâm sản bị thiệt hại 24,906m<sup>3</sup> gỗ tự nhiên loài thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII có giá trị 2.490.600đ. Mục đích bị cáo phát phá rừng là để trồng cây M phát triển kinh tế gia đình.

Hành vi phát phá rừng trái phép của Hoàng Thị T đã vi phạm quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, gây thiệt hại về tài nguyên rừng và sự đa dạng của hệ sinh thái rừng, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường. Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận hành vi của Hoàng Thị T đã đủ yếu tố cấu thành "Tội huỷ hoại rừng" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự. Điều luật có nội dung:

*"1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác huỷ hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000đ đến 500.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm, hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

...

*b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.0000 mét vuông ( $m^2$ ) đến dưới 10.000m<sup>2</sup>."*

[3]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 2.490.600,đ để bồi thường cho nguyên đơn dân sự. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, bị cáo được Chủ tịch UBND xã Q và Chủ tịch Hội phụ nữ xã Q công nhận và tặng giấy khen do có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua yêu nước và có thành tích xuất sắc trong phát triển kinh tế gia đình; Bị cáo có chồng là ông Ngô Văn T1 được UBND xã Q giấy khen do có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ diễn tập chiến đấu phòng thủ xã Q năm 2018, bố đẻ là ông Hoàng Văn B được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba và bố chồng là ông Ngô Văn B1 được Hội tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4]. Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Bị cáo Hoàng Thị T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, sự hiểu biết nhận thức về pháp luật còn hạn chế, mục đích bị cáo phát phá rừng là để trồng cây

mỡ phát triển kinh tế gia đình. Xét thấy, bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc không bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cho bị cáo được hưởng án treo vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nghề nghiệp của bị cáo là làm ruộng, không có thu nhập ổn định, bị cáo xin được miễn hình phạt bổ sung, đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Do đó, HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, đại diện Nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.490.600,đ. Bị cáo nhất trí bồi thường số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự. Việc thỏa thuận bồi thường giữa đại diện nguyên đơn dân sự và bị cáo là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Xác nhận bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 2.490.600,đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Rì để đảm bảo cho việc bồi thường thiệt hại.

[6]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với vật chứng là 01 máy cưa xăng màu đỏ, không rõ nhãn hiệu, có gắn lam và xích, máy cưa dài 81,5cm, lam dài 53cm, phần ốp nhựa của máy cưa có chữ BDK special. Máy cũ đã qua sử dụng, là công cụ thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu, hoá giá sung quỹ Nhà nước.

- Đối với vật chứng là 01 con dao dạng dao lưỡi liềm dài 46,8cm, phần cán bằng gỗ dài 23cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 23,8cm, dao cũ đã qua sử dụng và 01 con dao dạng dao lưỡi liềm dài 47cm, phần cán bằng gỗ dài 23,5 cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 23,5cm, dao cũ đã qua sử dụng là công cụ thực hiện hành phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu huỷ.

*(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận đồ vật tài liệu, vật chứng ngày 29/02/2024 giữa Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn).*

- Đối với số vật chứng là gỗ gồm: 278 khúc gỗ tròn tự nhiên loài thông thường có tổng khối lượng 13,224 m<sup>3</sup>, 38 cây gỗ rừng tự nhiên loài thông thường đã bị chết, chưa bị cắt hạ có khối lượng 11,682 m<sup>3</sup> để tại hiện trường cần tịch thu, hoá giá sung quỹ Nhà nước. Giao cho Hạt kiểm lâm huyện N quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với 229 gốc cây gỗ rừng tự nhiên loài thông thường đang ở tại hiện trường, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu, tiêu huỷ. Giao cho Hạt kiểm lâm huyện N quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền 2.490.600,đ bị cáo nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn để thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[7]. Về vấn đề khác:

- Đối với anh Hoàng Văn T2 và anh Hoàng Văn T3 là người được bị cáo thuê để phát rừng. Tuy nhiên, trước khi thuê bị cáo nói với anh T2, anh T3 là đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép nên anh T2, anh T3 mới đồng ý phát rừng thuê. Do vậy, Cơ quan điều tra Công an huyện N không xử lý trách nhiệm đối với anh T2, anh T3 là đúng quy định. Đối với số tiền công được thuê phát rừng của những người này được Hoàng Thị T trả, xét thấy họ là những người làm thuê, trình độ nhận thức thấp, việc phát rừng thuê cho T họ không biết là chưa được cơ quan chức năng cho phép, những người này đều là đồng bào dân tộc thiểu số, có điều kiện hết sức khó khăn, số tiền họ được trả công khi đi phát rừng thuê cũng đã chi tiêu sinh hoạt cho gia đình hết. Do đó, HĐXX xét thấy không buộc những người này phải nộp lại số tiền công đã được hưởng để sung quỹ nhà nước là phù hợp và thể hiện tính nhân văn, sự khoan hồng của pháp luật.

- Đối với ông Ngô Văn T1 và ông Hà Văn C1 quá trình điều tra xác định không biết, không liên quan đến hành vi phát phá rừng trái phép của bị cáo nên không xem xét xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[8]. Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí hình sự nên cần xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[1]. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Thị T phạm tội huỷ hoại rừng.

[2]. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 14 (Mười bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 28 (Hai mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (01/4/2024).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Giao bị cáo cho UBND xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

*" Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

*Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước tổng hợp với hình phạt của bản án mới*

*Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự."*

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và đại diện

nguyên đơn dân sự đại diện nguyên đơn dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn số tiền 2.490.600đ (Hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn sáu trăm đồng). Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền 2.490.600đ (Hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn sáu trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì theo biên lai số 0002306 ngày 26/01/2024 và biên lai số 0002313 ngày 28/3/2024.

*Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật dân sự và Luật thi hành án dân sự.*

[4]. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, hoá giá sung quỹ nhà nước: 01 máy cưa xăng màu đỏ, không rõ nhãn hiệu, có gắn lam và xích, máy cưa dài 81,5cm, lam dài 53cm, phần ốp nhựa của máy cưa có chữ BDK special. Máy cũ đã qua sử dụng.

- Tịch thu, tiêu huỷ 01 con dao dạng dao lưỡi liềm dài 46,8cm, phần cán bằng gỗ dài 23cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 23,8cm, dao cũ đã qua sử dụng và 01 con dao dạng dao lưỡi liềm dài 47cm, phần cán bằng gỗ dài 23,5 cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 23,5cm, dao cũ đã qua sử dụng.

*(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận đồ vật tài liệu, vật chứng ngày 29/02/2024 giữa Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn).*

- Tịch thu, hoá giá sung quỹ Nhà nước: 278 khúc gỗ tròn tự nhiên loài thông thường có tổng khối lượng 13,224 m<sup>3</sup>; 38 cây gỗ rừng tự nhiên loài thông thường đã bị chết, chưa bị cắt hạ có khối lượng 11,682 m<sup>3</sup>. Giao cho Hạt kiểm lâm huyện N quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tịch thu, tiêu huỷ: 229 gốc cây gỗ rừng tự nhiên loài thông thường đang ở tại hiện trường. Giao cho Hạt kiểm lâm huyện N quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tạm giữ số tiền 2.490.600,đ (Hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn sáu trăm đồng) bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì theo biên lai số 0002306 ngày 26/01/2024 và biên lai số 0002313 ngày 28/3/2024 để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[5]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Hoàng Thị T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến trách nhiệm dân sự trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án phần liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện(01b);
- VKSND tỉnh (01b);
- TA tỉnh(01b);
- CA huyện(02b);
- Bị cáo(01b);
- Người bào chữa;
- Nguyên đơn dân sự;
- NCQLNVLQ;
- THA dân sự(01b);
- THA hình sự(01b);
- Hồ sơ CA huyện(01b);
- Sở Tư pháp tỉnh (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thanh Bình**